

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2018
*V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Cao Thị S, sinh năm 1996; nơi cư trú: tổ 30, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông T có mặt, bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 16/10/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của ông Trần Hoàng T trình bày: Hôn nhân của ông T và bà S tự tìm hiểu yêu thương nhau đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V năm 2014. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Đến thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, do bà S và ông bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà S.

Về quan hệ con chung: Ông T và bà S có 01 con chung tên Trần Hoàng P, sinh năm 06/11/2013. Hiện nay cháu Phúc đang sống với ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho bà S theo quy định nhưng bà S vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản làm việc ngày 16/11/2017 và ngày 10/01/2018 được ông Trần Thanh Ph và ông Cao Văn L cho biết: Các ông là cha của bà S và ông T. Hôn nhân của T và S là do hai con tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Vào năm 2016, T – S phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ thời gian đó cho đến nay. Nguyên nhân là do T và S thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm, S thường xuyên về nhà ông L. Hiện nay, S đi làm ăn xa tại tỉnh Vũng Tàu, vài tháng về thăm nhà một lần. Khi Tòa án thụ lý thì ông L có thông báo lại với S nhưng do bận công việc nên không thể đến Tòa án được.

Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2018 được ông Nguyễn Thành L – Phó Trưởng ấp V cho biết: bà Cao Thị S, sinh năm 1996 hiện còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Ông T và bà S đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không rõ.

Tại phiên tòa ông T bảo lưu ý kiến.

Bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt bà S theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Hoàng T; cụ thể:

Về quan hệ tình cảm: Ông T và bà S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa ông T và bà S không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà S.

Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng Ph, sinh năm 06/11/2013; hiện nay cháu P đang sống với ông T; khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung; không yêu cầu cấp dưỡng, là phù hợp, nên chấp nhận.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Hoàng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Cao Thị S có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: bà S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bà S theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà S do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 06/01/2014 theo đúng quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà S, thấy rằng, thời gian ly thân giữa ông T và bà S đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Việc ông T trình bày bà S thường bỏ nhà chồng về nhà cha mẹ ruột sống mỗi khi cãi vã và không còn sống chung vợ chồng phù hợp với lời trình bày của ông P và ông L và ban áp V do đó, mâu thuẫn của ông T và bà S không thể hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu của ông T ly hôn với bà S theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông T và bà S có 01 con chung tên Trần Hoàng P, sinh năm 06/11/2013. Hiện nay cháu P đang do ông T nuôi dạy. Ông T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu P. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì cháu P sống chung với ông T. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, nên chấp nhận để cho ông T tiếp tục nuôi dạy cháu P là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên công nhận sự tự nguyện của ông T.

Tuy nhiên, ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Hoàng T.

Về hôn nhân: Ông **Trần Hoàng T** được ly hôn với bà **Cao Thị S**.

Về con chung: Ông T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 06/11/2013; bà S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Trần Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, tuy nhiên được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010893 ngày 21/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A sang án phí, ông T đã nộp đủ án phí. Bà Cao thị S không phải chịu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/5/2018) ông T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm; riêng thời hạn kháng cáo của bà S được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện An Phú(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS huyện An Phú(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi